

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ GIÁO
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2019/HS-ST
Ngày: 28-11-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lâm;

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Kim Thị Giàu - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 87/2019/TLST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2019/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Đỗ Văn N, sinh năm 1987 tại Bình Dương; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Hùng Khanh, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị Tuyết, sinh năm 1970; bị cáo có vợ tên là Lê Thị Kiều Oanh, sinh năm 1998 và 01 người con, sinh năm 2017; tiền án: Có 01 tiền án: Ngày 26/4/2017, bị Tòa án nhân dân (TAND) huyện Phú Giáo xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự theo Bản án số 21/2017/HS-ST, chấp hành xong ngày 18/3/2019. Tiền sự: Không.

Về nhân thân: Ngày 03/3/2014, bị TAND tỉnh Bình Dương xử phạt 30 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự theo Bản án phúc thẩm số 24/2014/HS-PT ngày 03/3/2014 (chấp hành xong ngày 31/8/2015).

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/10/2019. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1989;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp 4, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1988;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có ý định trộm cắp mũ cao su để bán lấy tiền tiêu xài nên khoảng 07 giờ ngày 31/10/2019, Đỗ Văn N chuẩn bị 01 (một) chiếc bao đựng mũ cao su, 01 (một) cái xô bằng nhựa màu đen loại 5 lít, một xe mô tô hiệu Havico (không biển số). Sau đó, Nhân điều khiển xe mô tô đi một mình từ nhà tại ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Bình Dương đến khu vực đội 6, Nông trường Cao su Hưng Hòa, thuộc ấp 4, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương. Khi đến lô cao su số 96TH của Nông trường Cao su Hưng Hòa đã ủy thác khai thác cho ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị T, hộ khẩu thường trú: Ấp Phú Hiệp, xã An Bình, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang khai thác mũ (theo Hợp đồng số 02 ngày 06/11/2018), Nhân dừng xe lại trên đường quan sát xung quanh thấy không ai trông coi nên Nhân liền điều khiển xe mô tô chạy vào lô cao su. Tại đây, Nhân để bao đựng mũ cách xe mô tô khoảng 01 mét và cầm xô nhựa đi trút mũ từng chén trên cây cao su đem đổ vào bao được 39 kg mũ nước. Khi Nhân trút mũ cao su được khoảng 10 phút thì bị anh Nguyễn Văn T phát hiện, Nhân bỏ chạy khoảng 100 mét bị anh Tung cùng người dân xung quanh bắt giữ sau đó bàn giao lại cho Công an xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương để làm việc. Quá trình làm việc, Đỗ Văn N đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, qua xác minh được biết Đỗ Văn N có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” năm 2018 chưa được xóa án tích.

Bản kết luận định giá tài sản ngày 01/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P kết luận: 39 (ba mươi chín) kilogam mũ cao su (loại mũ nước) có giá được Hội đồng thống nhất là 316.875 đồng (ba trăm mười sáu ngàn tám trăm bảy lăm đồng). (BL 39-40)

Quá trình điều tra thu giữ: 39 kg (ba mươi chín kilogam) mũ cao su, loại mũ nước; 01 (một) chiếc bao đựng mũ cao su; 01 (một) cái xô bằng nhựa màu đen loại 05 lít; 01 (một) xe mô tô hiệu Havico (không biển số), số khung *LFD100200113009*; số máy 1P50FMG-3*10913009*.

Về dân sự: Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị T đã nhận lại tài sản không yêu cầu gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội trong đó có nội dung vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Đỗ Văn N, đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo gây ra và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đỗ Văn N từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) chiếc bao đựng mũ cao su; 01 (một) cái xô bằng nhựa màu đen loại 05 lít.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 (một) xe mô tô hiệu Havico (không biển số), số khung *LFD100200113009*; Số máy 1P50FMG-3*10913009*.

Về dân sự: Không đề nghị giải quyết.

Bị cáo thống nhất với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận. Bị cáo nói lời nói sau cùng, xin lỗi bị hại, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện P, tỉnh Bình Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Đỗ Văn N đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Ngày 31/10/2019, Đỗ Văn N đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 39 kg mủ cao su (mủ nước) có giá trị 316.875 đồng (ba trăm mười sáu nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng) của ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T tại lô cao su số 96TH, diện tích 24,5 ha của Nông trường Cao su Hưng Hòa thuộc Ấp 4, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương. Về nhận thức, bị cáo biết hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản hợp pháp của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo đã đủ tuổi, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Lần này, bị cáo trộm cắp tài sản có trị giá 316.875 đồng nhưng trước đó bị cáo đã bị kết án 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản theo Bản án số 21/2017/HS-ST ngày 26/4/2017 của TAND huyện P, tỉnh Bình Dương chưa được xóa án tích mà còn vi phạm. Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự đúng như nội dung Quyết định của Viện kiểm sát nhân dân huyện P đã truy tố.

[3] Hành vi của bị cáo không những xâm phạm trực tiếp đến tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng đến trật tự trị an trong khu vực. Do đó, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo cần phải xử một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cũng cần phải cân nhắc, đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo trộm cắp 39 kg mủ cao su nước, xét thấy thiệt hại không lớn, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản trộm cắp đã được thu hồi trả lại cho người bị hại nên HĐXX xem xét cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương về phân hình phạt đối với bị cáo là phù hợp nên HĐXX chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị T đã nhận lại tài sản không yêu cầu gì thêm nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6] Về vật chứng vụ án:

Đối với 39 kg (ba mươi chín kilogam) mủ cao su, loại mủ nước. Ngày 01/11/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P ra Quyết định xử lý vật chứng

trả lại tài sản cho ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị T. Ông Tung, bà Thủy đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm nên HĐXX không đặt ra xem xét.

Đối với 01 (một) chiếc bao đựng mũ cao su; 01 (một) cái xô bằng nhựa màu đen loại 05 lít. Đây là công cụ dùng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 (một) xe mô tô hiệu Havico (không biển số), số khung *LFD100200113009*; số máy 1P50FMG-3*10913009*, Đỗ Văn N mua của một người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch) cách đây 4 năm, không làm giấy tờ mua bán. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã tra cứu nhưng không có thông tin chủ sở hữu, không có trong tang vật chứng của vụ án khác và đã đăng báo tìm kiếm chủ sở hữu theo quy định nhưng không có kết quả. Xét thấy, xe mô tô này không có giấy tờ hợp lệ, phương tiện dùng vào việc phạm tội nên HĐXX xem xét tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Đỗ Văn N phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Điều 106, Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 1 điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn N 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 31/10/2019.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) chiếc bao đựng mũ cao su; 01 (một) cái xô bằng nhựa màu đen loại 05 lít.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 (một) xe mô tô hiệu Havico (không biển số), số khung *LFD100200113009*; số máy 1P50FMG-3*10913009*.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Đỗ Văn N phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương; (1)
- VKSND tỉnh Bình Dương; (1)
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương; (1)
- PV06 Công an tỉnh Bình Dương; (1)
- VKSND huyện P; (1)
- Công an huyện P; (2)
- Chi cục THADS huyện P; (1)
- Những người tham gia tố tụng; (3)
- Lưu hồ sơ, VP. (2)

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Lâm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA